

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 25-5-2021

V/v “Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng, tranh chấp về
nuôi con, tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình

Ông Vũ Hoàng Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/4/2021; 21/5/2021 và 25/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/HNGĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, tài sản chung”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Dương Công K, sinh năm 1959. HKTT: Khu phố 8, phường LP, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. HKTT: Thôn Phước Quả, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Tấn T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Văn phòng luật sư HS. Phan Bội Châu, phường 14, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Công K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà H sau thời gian tìm hiểu đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống chung nên ông K làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã PL giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông K và bà H có ba con chung tên là Dương Bích H1, sinh ngày 28/01/2006, Dương N.H, sinh ngày 31/5/2009 và Dương Bích Ngọc H2, sinh ngày 22/01/2014. Nguyên vọng ông K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đối với 90 tấn Điều nguyên liệu (Đắc lặc) và 10 tấn Tiêu có tổng giá trị là 90 tấn Điều x 27.000 đồng = 2.430.000.000 đồng + 10 tấn Tiêu 39.000 đồng = 390.000.000 đồng. Tổng giá trị là 2.820.000.000 đồng. Trước kia ông K và bà H thống nhất bán 90 tấn Điều và 10 tấn Tiêu để trả số nợ 2 tỷ đồng cho ngân hàng nhưng sau đó các bên thống nhất bán tài sản khác (Khi bán 5 héc vườn được 1.870.000.000 đồng) để trả. Vì vậy ông K yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị của 90 tấn Điều và 10 tấn Tiêu. Do trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã bán số Điều và Tiêu trên nên ông K yêu cầu Tòa án buộc bà H hoàn lại số tiền là 1.410.000.000 (*Một tỷ bốn trăm mười triệu*) đồng cho ông K.

Đối với các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất Ông K yêu cầu Tòa án ghi nhận vào Bản án các tài sản cho các con là Dương Bích H1, Dương N.H và Dương Bích Ngọc H2 như sau;

Thứ nhất: Đối với diện tích đất 27076,0 m² và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CI 351740, tờ bản đồ số 10, thửa đất số 109 do UBND huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/12/2019, đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ.Ơ, huyện BGM, tỉnh Bình Phước. Ông K yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã PL ghi nhận giao cho con gái tên Dương Bích H1.

Thứ hai: Đối với diện tích đất 59.960 m² và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận QSDĐ số BC 643164, tại tờ bản đồ số 00, thửa đất số Đo 1 và Đo 2, do UBND huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/01/2011, đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ.Ơ, huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/01/2011. Ông K yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã PL ghi nhận giao cho con gái thứ hai là cháu Dương N.H.

Thứ ba: Đối với diện tích đất 2.734 m² và tài sản gắn liền trên đất tại thôn Phước Quả, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước, đất đã có giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất số AP 677165 sổ vào sổ cấp GCN 01976 do UBND huyện PL (cũ), tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/8/2009 mang

tên bà Nguyễn Thị H. (Đất này chiều ngang là 78m, đã hiến cho UBND xã PT 12 m, còn lại là 66 m). Ông K yêu cầu Tòa án ghi nhận giao tài sản này cho hai con là cháu Dương Bích H1 và Dương Bích Ngọc H2.

Trong đó đối với diện tích đất 850,5 m² (ngang 30m, dài hết đất), trên đất có một căn nhà cấp 3 (kết cấu 01 lầu, 01 chệt có tổng diện tích là 180 m²) nằm trong diện tích 2.734 m² và các vật dụng trong nhà theo biên bản thẩm định tài sản của Tòa án ngày 16/7/2020. Ông K yêu cầu Tòa án ghi nhận tài sản này giao cho cháu Dương Bích Ngọc H2.

Đối với diện tích 1696,8 m² nằm trong diện tích 2.734 m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4, 01 căn nhà tiền chế và các tài sản trong nhà theo biên bản thẩm định của tòa án 16/7/2020. Ông K yêu cầu Tòa án ghi nhận tài sản này giao cho Dương Bích H1.

Đối với diện tích đất 220,5 m² và tài sản gắn liền trên đất nằm trong diện tích 2.734 m² ông K và bà H thống nhất giao cho UBND xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước quản lý sử dụng.

Về nợ chung: Ông K trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H thống nhất lời trình bày của ông K về quan hệ hôn nhân; về thời gian chung sống với ông K, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, trước yêu cầu của ông K về quan hệ hôn nhân bà thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông K.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H thống nhất với lời trình bày của ông Dương Công K là quá trình chung sống với ông K có 03 người con chung là Dương Bích H1, sinh ngày 28/01/2006, Dương N.H, sinh ngày 31/5/2009 và Dương Bích Ngọc H2, sinh ngày 22/01/2014. Bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi ba con chung và không yêu cầu ông Dương Công K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H thống nhất với lời trình bày của ông Dương Công K là yêu cầu Tòa án ghi nhận giao các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho các con là Dương Bích H1, Dương N.H và Dương Bích Ngọc H2 như ông Dương Công K đã trình bày.

Đối với 90 tấn Điều và 10 tấn Tiêu như ông K đã trình bày, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà H thống nhất, giữa bà H và ông K có tài sản chung là 90 tấn hạt điều và 10 tấn hạt tiêu, số điều và tiêu này do bà H là người quản lý và bà H đã bán, bà H cũng thống nhất giá trị của 90 tấn hạt điều và 10 tấn hạt tiêu có giá trị là 2.820.000.000 đồng (*Hai tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng*). Nhưng sau khi bán bà H đã sử dụng số tiền trên vào các khoản, gồm: Trước kia hợp đồng vay vốn bà H có nợ Ngân hàng số tiền 3.2 tỷ đồng, bà

H trả trước cho Ngân hàng số tiền là 1,2 tỷ đồng, tiền lãi ngân hàng là 200.000.000 đồng, tiền mua hàng của bà L 32 tấn Điều nguyên liệu trị giá 1,1 tỷ đồng (Trong đó chuyển cho bà L 300.000.000 đồng, còn lại đã trả tiếp cho bà L là 800.000.000 đồng), tiền bù vào để trả cho Ngân hàng khi thanh toán là 200.000.000 đồng (Khi bán 5 héc ta vườn được 1.870.000.000 đồng, trả Ngân hàng là 2.070.000.000 đồng), bà H đã đưa cho ông K số tiền là 300.000.000 đồng. Vì vậy số tiền bán Điều và Tiêu được số tiền 2.820.000.000 đồng bà H đã sử dụng hết nên bà H không đồng ý trả lại cho ông K.

Về nợ chung: Bà H thống nhất với lời trình bày của ông K là không có nợ chung.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/HNGĐ - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã PL đã quyết định:

Áp dụng các điều 14, 33, 53, 57, 59, 76, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Công K và bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Tuyên giao cháu Dương Bích Ngọc H2, sinh ngày 22/01/2014 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi; Giao cháu Dương Bích H1, sinh ngày 28/01/2006 và cháu Dương N.H, sinh ngày 31/5/2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 và cháu N.H đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Dương Công K số tiền là 1.060.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Dương Công K và bà Nguyễn Thị H về các tài sản cho các con cụ thể;

Giao diện tích đất 27076,0 m² và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CI 351740, tờ bản đồ số 10, thửa đất số 109 do UBND huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/12/2019, cấp cho bà Nguyễn Thị H, đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ.Ở, huyện BGM, tỉnh Bình Phước cho cháu Dương Bích H1, sinh ngày 28/01/2006. Tứ cận của thửa đất: Phía Đông giáp đất ông Điều Ch và đất ông Nguyễn Văn H; phía Tây giáp đường; phía Nam giáp đường; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn C.

Giao diện tích đất 59.960 m² và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận QSDĐ số BC 643164, tại tờ bản đồ số 00, thửa đất số Đo 1 và Đo 2, do UBND huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/01/2011, đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ.Ở, huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/01/2011 mang tên

Nguyễn Thị H cho cháu Dương N.H, sinh ngày 31/05/2009. Tứ cận của thửa đất: Phía Đông giáp đất ông Kh và ông H1; Phía Tây giáp đường; Phía Nam giáp đất ông H2, ông N và ông S; Phía Bắc giáp đất ông H, ông C1.

Giao diện tích đất 2.734 m² và tài sản gắn liền trên đất tại thôn Phước Quả, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước, đất đã có giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất số AP 677165 số vào sổ cấp GCN 01976 do UBND huyện Phước Long (cũ), tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/8/2009 mang tên bà Nguyễn Thị H cho hai cháu Dương Bích H1, sinh ngày 28/01/2006 và cháu Dương Bích Ngọc H2, sinh ngày 22/01/2014. Tứ cận của thửa đất: Phía Đông giáp đất bà Ch, bà T; Phía Tây giáp đất bà A; Phía Nam giáp đất bà H; Phía Bắc giáp đường đất.

Trong đó giao cho cháu Dương Bích Ngọc H2 diện tích đất 850,5 m² (Ngang 30 mét, dài hết đất), trên đất có một căn nhà cấp 3 (kết cấu 01 lầu, 01 trệt có tổng diện tích sàn là 295,2 m²) và các vật dụng trong nhà theo biên bản thẩm định tài sản của Tòa án ngày 16/7/2020.

Giao cho cháu Dương Bích H1 diện tích 1696,8 m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 200 m², 01 căn nhà tiền chế 473 m² và các tài sản trên nhà theo biên bản thẩm định của Tòa án ngày 16/7/2020.

Giao cho UBND xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước quản lý sử dụng diện tích đất 220,5 m² và tài sản gắn liền trên đất.

Tạm giao thửa đất diện tích 27076,0 m² và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CI 351740, tờ bản đồ số 10, thửa đất số 109 do UBND huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/12/2019 cho bà Nguyễn Thị H quản lý cho đến khi cháu Dương Bích H1 đủ 18 tuổi.

Tạm giao thửa đất diện tích đất 59.960 m² và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận QSDĐ số BC 643164, tại tờ bản đồ số 00, thửa đất số Đo 1 và Đo 2, do UBND huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/01/2011, đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ.Ở, huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/01/2011 cho bà Nguyễn Thị H quản lý cho đến khi cháu Dương N.H đủ 18 tuổi.

Tạm giao thửa đất diện tích đất 2.734 m² và tài sản gắn liền trên đất tại thôn Phước Quả, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước, đất đã có giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất số AP 677165 số vào sổ cấp GCN 01976 do UBND huyện PL (cũ), tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/8/2009 cho ông Dương Công K quản lý cho đến khi cháu Dương Bích Ngọc H2 và Dương Bích H1 đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: Không chấp nhận yêu cầu giao cháu Dương Bích Ngọc H2, sinh ngày 22/01/2014 cho ông Dương Công K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Không chấp nhận việc giao quyền sử dụng diện tích 2.734m² tại thôn Phước Quả, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước cho ông Dương Công K quản lý, sử dụng cho đến khi cháu Dương Bích Ngọc H2 đủ 18 tuổi; Không chấp nhận buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông Dương Công K số tiền 1.060.000.000 đồng.

Trong quá trình tạm ngừng phiên toà, bị đơn bà Nguyễn Thị H cung cấp tài liệu bổ sung cho Tòa án là ủy nhiệm chi không số ngày 04/9/2019 về việc chuyển khoản từ số tài khoản ghi nợ 807003657658 tại Ngân hàng Viettin BP, chủ tài khoản Công ty TNHH MTV Hợp Hân Hoan đến số tài khoản ghi 040003043772 tại Ngân hàng Sacombank-Gia Lai, chủ tài khoản Nguyễn Thị Mỹ L; Sao kê chi tiết giao dịch do Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Bình Phước sao kê đối với chủ tài khoản Công ty TNHH MTV Hợp Hân Hoan từ ngày 01/01/2019 đến ngày 25/02/2021; Sao kê giao dịch tài khoản tiền vay của Công ty TNHH MTV Hợp Hân Hoan từ ngày 01/01/2019 đến ngày 25/02/2021; và bà Nguyễn Thị Mỹ L cung cấp cho Tòa án bản phô tô số phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại số tài khoản 040003043772, chủ tài khoản Nguyễn Thị Mỹ L tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Gia Lai.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu của mình, không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà H. Bởi vì:

Về con chung: Cháu Dương Bích Ngọc H2 là con gái, đang tuổi phát triển tâm sinh lý nên cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, hơn nữa ba chị em đang trong giai đoạn phát triển, được sống chung với nhau, bảo ban nhau là cần thiết và hợp lý nên đề nghị giao cả 03 con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về việc giao quyền sử dụng đất diện tích 2.734m²: Việc Tòa cấp sơ thẩm giao cho ông K quản lý diện tích đất này là không xem xét thấu đáo quyền lợi của bà H và các con nên cần giao cho bà H quản lý toàn bộ quyền sử dụng diện tích 2.734m² và các tài sản trên đất.

Về số tiền 1.060.000.000 đồng trả lại cho ông K: Tổng số tiền bà H bán 90 tấn Điều và 10 tấn Tiêu được 2.820.000.000 đồng, sau khi bán bà H đã bỏ ra để chi tiêu vào các khoản gồm: Tiền lãi Ngân hàng 200.000.000 đồng; Tiền bù vào sau khi bán đất 200.000.000 đồng; Tiền đưa cho ông K 300.000.000 đồng thì bà H còn thanh toán số tiền hơn 1 tỷ đồng cho Ngân hàng và thanh toán số tiền 1,1 tỷ đồng cho bà L, như vậy là hơn 2.800.000.000 đồng. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm tuyên bà H phải trả cho ông K số tiền 1.060.000.000 đồng là không có căn cứ.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/HNGĐ - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về kháng cáo yêu cầu “không chấp nhận yêu cầu giao cháu Dương Bích Ngọc H2, sinh ngày 22/01/2014 cho ông Dương Công K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng”, nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

... ”

Mặc dù, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cháu Dương Bích Ngọc H2 chưa đủ 07 tuổi, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm cháu Dương Bích Ngọc H2, sinh ngày 22/01/2014 trình bày có nguyện vọng được sống với ba là ông Dương Công K, và theo cháu H2 thì trong cuộc sống hàng ngày việc chăm sóc sinh hoạt, đưa đón cháu đi học là do ông K thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K và bà H không tự thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của con chung để xem xét.

Căn cứ các tài liệu, lời khai của ông K, bà H thì hiện nay ông K bà H đều có điều kiện kinh tế để chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung. Giữa ông K và bà H có 03 người con chung là cháu Dương Bích H1, sinh ngày 28/01/2006, Dương N.H, sinh ngày 31/5/2009 và cháu Dương Bích Ngọc H2, sinh ngày 22/01/2014, cả 03 con chung hiện nay đều chưa đủ tuổi trưởng thành nên cần có cha mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hết các khả năng mang lại lợi ích tốt nhất cho các cháu vì hiện nay các cháu cần

được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, đưa đón đi học và đã xem xét ý kiến nguyện vọng của các con chung, đồng thời xem xét về điều kiện công việc của ông K bà H là làm ăn buôn bán thì việc chia sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng các con là điều cần thiết. Do đó việc giao cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Dương N.H và Dương Bích H1; giao cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Bích Ngọc H2, đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi là hoàn toàn cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đạo đức và phong tục tập quán Việt Nam.

Do đó, kháng cáo của bà Nguyễn Thị H về phần này là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về kháng cáo yêu cầu “Không chấp nhận việc giao quyền sử dụng diện tích 2.734m² tại thôn Phước Quả, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước cho ông Dương Công K quản lý, sử dụng cho đến khi cháu Dương Bích Ngọc H2 đủ 18 tuổi”:

Căn cứ các tài liệu, lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như thỏa thuận giữa ông K, bà H về việc thống nhất yêu cầu Tòa án ghi nhận vào Bản án cho các con chung là Dương Bích H1, Dương N.H và Dương Bích Ngọc H2 các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do ông K, bà H tạo lập được trong thời kỳ sống chung. Trong đó bao gồm diện tích đất 2.734 m² và tài sản gắn liền trên đất tại thôn Phước Quả, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước, đất đã có giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất số AP 677165 số vào sổ cấp GCN 01976 do UBND huyện PL (cũ), tỉnh Bình Phước ngày 28/8/2009 mang tên bà Nguyễn Thị H. (Đất này chiều ngang là 78met, đã hiến cho UBND xã PT 12 mét, còn lại là 66 mét), Tứ cận của thửa đất: Phía Đông giáp đất bà Ch, bà T; Phía Tây giáp đất bà A; Phía Nam giáp đất bà H; Phía Bắc giáp đường đất, Ông K và bà H thống nhất yêu cầu Tòa án ghi nhận tài sản này cho hai con chung là cháu Dương Bích H1 và Dương Bích Ngọc H2.

Trong đó, đối với diện tích đất 850,5 m² (Ngang 30 mét, dài hết đất), trên đất có một căn nhà cấp 3 (kết cấu 01 lầu, 01 trệt có tổng diện tích là 180m²) và các vật dụng trong nhà theo biên bản thẩm định tài sản của Tòa án ngày 16/7/2020. Ông K và bà H thống nhất yêu cầu Tòa án ghi nhận tài sản này cho con chung là cháu Dương Bích Ngọc H2.

Đối với diện tích 1696,8 m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4, 01 căn nhà tiền chế và các tài sản trên nhà theo biên bản thẩm định của Tòa án. Ông K và bà H thống nhất yêu cầu Tòa án ghi nhận tài sản này cho con chung là cháu Dương Bích H1.

Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái với đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

Xét thấy, hiện nay các cháu Dương Bích H1 và Dương Bích Ngọc H2 đều đang còn nhỏ; cả hai phần tài sản trên đều thuộc 01 thửa đất diện tích 2.734m². Toà án cấp sơ thẩm tạm giao bà H quản lý thay cho các cháu Dương Bích H1, Dương N.H 02 thửa đất và tài sản trên đất gồm: diện tích 27076,0 m²

và diện tích 59.960 m² cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đồng thời như phân tích tại phần [2.1] con chung Dương Bích Ngọc H2 được giao cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục nên việc tạm giao cho ông Dương Công K quản lý thay cho cháu H1 và H2 diện tích 2.734m² cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp, cần thiết.

Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu mới làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu của Bà nên kháng cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về kháng cáo yêu cầu “Không chấp nhận buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông Dương Công K số tiền 1.060.000.000 đồng”:

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông K bà H đều thống nhất khai trong số tài sản chung của ông K bà H đề nghị Tòa án chia có 90 tấn Điều nguyên liệu (Đắc lặc) và 10 tấn Tiêu có tổng giá trị là 90 tấn Điều x 27.000 đồng = 2.430.000.000 đồng + 10 tấn Tiêu 39.000 đồng = 390.000.000 đồng. Tổng giá trị là 2.820.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tuy bà H cho rằng số tiền trên bà đã sử dụng để trả các khoản tiền gồm: Nợ Ngân hàng số tiền 3.2 tỷ đồng, Trả trước cho ngân hàng số tiền là 1,2 tỷ đồng, tiền lãi ngân hàng là 200.000.000 đồng; Tiền mua hàng của bà L 32 tấn Điều nguyên liệu là 1,1 tỷ đồng (Trong đó chuyển cho bà L 300.000.000 đồng, còn lại đã trả tiếp cho bà L là 800.000.000 đồng); Tiền bù vào để trả cho Ngân hàng khi thanh toán là 200.000.000 đồng (Khi bán 5 hecta vườn được 1.870.000.000 đồng, trả Ngân hàng là 2.070.000.000 đồng); Khi ông K bị tai nạn bà H đã đưa cho ông K số tiền là 300.000.000 đồng.

Bà H cung cấp tài liệu bổ sung cho Tòa án là ủy nhiệm chi không số ngày 04/9/2019 về việc chuyển khoản từ số tài khoản ghi nợ 807003657658 tại Ngân hàng Viettin BP, chủ tài khoản Công ty TNHH MTV Hợp Hân Hoan đến số tài khoản ghi 040003043772 tại Ngân hàng Sacombank-Gia Lai, chủ tài khoản Nguyễn Thị Mỹ L; Sao kê chi tiết giao dịch do Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Bình Phước sao kê đối với chủ tài khoản Công ty TNHH MTV Hợp Hân Hoan từ ngày 01/01/2019 đến ngày 25/02/2021; Sao kê giao dịch tài khoản tiền vay của Công ty TNHH MTV Hợp Hân Hoan từ ngày 01/01/2019 đến ngày 25/02/2021; và bà Nguyễn Thị Mỹ L cung cấp cho Tòa án bản phô tô sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại số tài khoản 040003043772, chủ tài khoản Nguyễn Thị Mỹ L tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Gia Lai. Tuy nhiên, qua đối chiếu chuyển khoản và sao kê thì không thể hiện việc Công ty TNHH MTV Hợp Hân Hoan chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 500 triệu đồng ngày 04/9/2019, Sổ phụ sao kê tài khoản do bà L cung cấp cho Tòa án là bản phô tô không có công chứng; đồng thời việc bà H chuyển tiền cho bà Mỹ L không chứng minh được đây là khoản tiền có nguồn gốc từ số tiền đã bán 90 tấn Điều và 10 tấn Tiêu được ông K bà H thừa nhận là tài sản chung tại thời điểm giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm.

Bên cạnh đó, tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 118) và tại phiên tòa phúc thẩm bà H ông K đều thừa nhận thời điểm bà H bán xong 90 tấn điều và 10 tấn tiêu là vào cuối tháng 12 năm 2019, đầu năm 2020, còn bà H chuyển cho ông K số tiền 300.000.000 đồng khi ông K bị tai nạn nằm bệnh viện là vào thời gian khoảng tháng 9, 10 năm 2019.

Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét số tiền bà H bán Điều, Tiêu được 2.820.000.000 đồng sau khi đã được các bên thống nhất trừ 700.000.000 đồng đã chi vào các khoản chung còn lại 2.120.000.000 đồng. Số tiền còn lại này cần chia đôi cho ông K bà H mỗi người 1.060.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp.

Bà H không cung cấp thêm được giấy tờ tài liệu khác làm căn cứ chứng minh đã sử dụng hết số tiền bán 90 tấn điều và 10 tấn tiêu vào các khoản chi chung trong quá trình chung sống giữa bà H và ông K nên kháng cáo của bà H không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/HNGĐ - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 212 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 14, 33, 53, 57, 59, 76, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Công K và bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Tuyên giao con chung là cháu Dương Bích Ngọc H2, sinh ngày 22/01/2014 cho ông Dương Công K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Giao các con chung là cháu Dương Bích H1, sinh ngày 28/01/2006 và cháu Dương N.H, sinh ngày 31/5/2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 và cháu N.H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Dương Công K và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Dương Công K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu H1, cháu N.H; bà Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu H2 mà không ai được quyền cản trở. Tuy nhiên, nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của bên trực tiếp nuôi con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bên không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của các con chung là cháu Dương Bích H1, Dương N.H, Dương Bích Ngọc H2, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung:

3.1 Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Dương Công K số tiền là 1.060.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3.2 Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Dương Công K và bà Nguyễn Thị H về các tài sản cho các con cụ thể;

Giao diện tích đất 27076,0 m² và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CI 351740, tờ bản đồ số 10, thửa đất số 109 do UBND huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/12/2019, cấp cho bà Nguyễn Thị H, đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ.Ở, huyện BGM, tỉnh Bình Phước cho cháu Dương Bích H1, sinh ngày 28/01/2006. Tứ cận của thửa đất: Phía Đông giáp đất ông

Điều Ch và đất ông Nguyễn Văn H; phía Tây giáp đường; phía Nam giáp đường; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn C;

Giao diện tích đất 59.960 m² và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận QSDĐ số BC 643164, tại tờ bản đồ số 00, thửa đất số Đo 1 và Đo 2, do UBND huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/01/2011, đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ.Ở, huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/01/2011 mang tên Nguyễn Thị H cho cháu Dương N.H, sinh ngày 31/05/2009. Tứ cận của thửa đất: Phía Đông giáp đất ông Kh và ông H1; Phía Tây giáp đường; Phía Nam giáp đất ông H2, ông N và ông S; Phía Bắc giáp đất ông H, ông C1;

Giao diện tích đất 2.734 m² và tài sản gắn liền trên đất tại thôn Phước Quả, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước, đất đã có giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất số AP 677165 số vào sổ cấp GCN 01976 do UBND huyện PL (cũ), tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/8/2009 mang tên bà Nguyễn Thị H cho hai cháu Dương Bích H1, sinh ngày 28/01/2006 và cháu Dương Bích Ngọc H2, sinh ngày 22/01/2014. Tứ cận của thửa đất: Phía Đông giáp đất bà Ch, bà T; Phía Tây giáp đất bà A; Phía Nam giáp đất bà H; Phía Bắc giáp đường đất. Trong đó:

Giao cho cháu Dương Bích Ngọc H2 diện tích đất 850,5 m² (Ngang 30 mét, dài hết đất), trên đất có một căn nhà cấp 3 (kết cấu 01 lầu, 01 chệt có tổng diện tích sàn là 295,2 m²) và các vật dụng trong nhà theo biên Bản thẩm định tài sản của Tòa án ngày 16/7/2020;

Giao cho cháu Dương Bích H1 diện tích 1696,8 m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 200 m², 01 căn nhà tiền chế 473 m² và các tài sản trên nhà theo Biên bản thẩm định của Tòa án ngày 16/7/2020;

Giao cho UBND xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước quản lý sử dụng diện tích đất 220,5 m² và tài sản gắn liền trên đất.

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Tạm giao thửa đất diện tích đất 27076,0 m² và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CI 351740, tờ bản đồ số 10, thửa đất số 109 do UBND huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/12/2019 cho bà Nguyễn Thị H quản lý cho đến khi cháu Dương Bích H1 đủ 18 tuổi.

Tạm giao thửa đất diện tích đất 59.960 m² và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận QSDĐ số BC 643164, tại tờ bản đồ số 00, thửa đất số Đo 1 và Đo 2, do UBND huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/01/2011, đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ.Ở, huyện BGM, tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/01/2011 cho bà Nguyễn Thị H quản lý cho đến khi cháu Dương N.H đủ 18 tuổi.

Tạm giao thửa đất diện tích đất 2.734 m² và tài sản gắn liền trên đất tại thôn Phước Quả, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước, đất đã có giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất số AP 677165 số vào sổ cấp GCN 01976 do UBND huyện PL (cũ), tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/8/2009 cho ông

Dương Công K quản lý cho đến khi cháu Dương Bích Ngọc H2 và Dương Bích H1 đủ 18 tuổi.

[2] Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Công K phải chịu số tiền 27.150.000 đồng án phí dân sự có giá gạch và 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Dương Công K đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0006640 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PL có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Dương Công K số tiền tạm ứng án phí còn dư là 31.486.000 (ba mươi một triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị H phải nộp số tiền án phí là 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0007009, quyển số 000141 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

[3] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã PL;
- Chi cục THADS thị xã PL;
- UBND xã PT, thị xã PL;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, P. KTNV, T.GĐ&NCTN;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thư